

Số: 961./QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 19 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý 67 cơ sở nhà, đất
thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/12/2024;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà đất;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 51/STC-GCS ngày 07/01/2025, số 298/STC-GCS ngày 24/01/2025 về phương án sắp xếp lại, xử lý 67 cơ sở nhà, đất của huyện Cát Hải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải, cụ thể:

- Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo hình thức "Giữ lại tiếp tục sử dụng" đối với 42 cơ sở nhà, đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải quản lý, sử dụng (chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo);

- Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo hình thức "Tạm giữ lại tiếp tục sử dụng" đối với 25 cơ sở nhà, đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải quản lý, sử dụng (chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải, các cơ quan, đơn vị có cơ sở nhà, đất được giữ lại tiếp tục sử dụng, tạm giữ lại tiếp tục sử dụng có trách nhiệm quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất theo đúng mục đích sử dụng được nhà nước giao, đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; phối hợp với các cơ quan chức năng để hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất theo quy định; xác định giá trị tài sản trên đất làm cơ sở để hạch toán sổ sách kế toán theo quy định trong năm 2025.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì cùng Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải và các cơ quan, đơn vị có liên quan quản lý, sử dụng và hoàn thiện hồ sơ nhà, đất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND TP;
- CPVP UBND TP;
- Các Phòng: TCNS, NC&KTGS;
- Lưu: VT, TC3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thọ

PHỤ LỤC 01:
CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT GIỮ LẠI TIẾP TỤC SỬ DỤNG CỦA HUYỆN CÁT HẢI
(Kèm theo Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 19/3/2025 của UBND thành phố)

| STT | Đơn vị/ Địa chỉ: Địa chỉ nhà đất | Diện tích (m ²) | | | Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê | Hiện trạng |
|-----|--|-----------------------------|------------------|---------------------------|--|--------------|
| | | Đất | Nhà | | | |
| | | | Diện tích XD nhà | Diện tích sàn sử dụng nhà | | |
| 1 | Phòng Tài chính - Kế hoạch Địa chỉ: Tổ dân phố 2A - Thị trấn Cát Bà, Huyện Cát Hải | 980 | 519.57 | 936.79 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng, 8 phòng | | 301.3 | 602.6 | | |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng, 6 phòng | | 115.92 | 231.84 | | |
| | Nhà kho 1 tầng | | 92 | 92 | | |
| | Nhà vệ sinh 1 tầng | | 10.35 | 10.35 | | |
| 2 | VP HĐND và UBND huyện: Khuôn viên Trụ sở UBND huyện Địa chỉ: Số 01 - Đường Hà Sen - Thị trấn Cát Bà - Huyện Cát Hải | 6,840.0 | 2,424.9 | 5,373.2 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng |
| | Nhà làm việc số 1: 3 tầng, | | 210.7 | 632.1 | | |
| | Nhà làm việc số 2: 3 tầng | | 226.1 | 678.2 | | |
| | Nhà làm việc 3 tầng | | 534.3 | 1,602.8 | | |
| | Nhà làm việc số 4: 3 tầng | | 207.4 | 622.1 | | |
| | Nhà công vụ UBND huyện: 3 tầng. | | 245.8 | 737.3 | | |
| | Nhà số 6: 2 tầng | | 100.0 | 200.0 | | |
| | Nhà bảo vệ số 1: 1 tầng | | 8.0 | 8.0 | | |
| | Nhà bảo vệ số 2: 1 tầng | | 8.0 | 8.0 | | |

| STT | Đơn vị/ Địa chỉ: Địa chỉ nhà đất | Diện tích (m ²) | | | Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê | Hiện trạng |
|-----|--|-----------------------------|------------------|---------------------------|--|--------------|
| | | Đất | Nhà | | | |
| | | | Diện tích XD nhà | Diện tích sàn sử dụng nhà | | |
| | Nhà để xe số 1 | | 81.8 | 81.8 | | |
| | Nhà để xe số 2 | | 81.8 | 81.8 | | |
| | Nhà để xe số 3 | | 81.8 | 81.8 | | |
| | Nhà rèn luyện thể chất 1 tầng | | 639.5 | 639.5 | | |
| 3 | VP HĐND và UBND huyện: Nhà Công vụ đa năng UBND huyện 7 tầng Địa chỉ: số 206A - Đường Núi Ngọc - Thị trấn Cát Bà | 221.0 | 166.9 | 1,168.3 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng |
| 4 | VP HĐND và UBND huyện: Văn phòng đại diện huyện Cát Hải 3 tầng Địa chỉ: Số 81B Bạch Đằng, Hồng Bàng - Hải Phòng | 520.0 | 311.4 | 975.0 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng |
| 5 | Phòng Giáo dục và Đào tạo Địa chỉ: Số 24 đường 1/4, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 750.0 | 225.3 | 429.3 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng, 8 phòng | | 204.0 | 408.0 | | |
| | Nhà bảo vệ 1 tầng | | 6.0 | 6.0 | | |
| | Lán để xe | | 15.3 | 15.3 | | |
| 6 | Trường mầm non Sơn Ca cơ sở 1 Địa chỉ: Tô dân phố 9 Thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 3586 | 2385.45 | 6749.67 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà liền khối 3 tầng | | 2182.11 | 6546.33 | | |
| | Nhà để xe | | 46.48 | 46.48 | | |
| | Sân khấu | | 128.16 | 128.16 | | |
| | Khu vui chơi có mái che | | 28.7 | 28.7 | | |
| 7 | Trường mầm non Sơn Ca: Cơ sở 2 Địa chỉ: Tô dân phố 11 Thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 150 | 67 | 134 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 2 tầng | 150 | 67 | 134 | | |

| STT | Đơn vị/ Địa chỉ: Địa chỉ nhà đất | Diện tích (m ²) | | Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê | Hiện trạng | |
|-----|---|-----------------------------|------------------|--|---------------------------|---------------------------|
| | | Đất | Nhà | | | |
| | | | Diện tích XD nhà | | | Diện tích sàn sử dụng nhà |
| 8 | Trường mầm non 3-2: Cơ sở 1 Địa chỉ: Số 69 đường Hà Sen Thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 1060 | 534.9 | 1500.9 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 3 tầng | | 483 | 1449 | | |
| | Sân khấu | | 31 | 31 | | |
| | Nhà để xe 1 tầng | | 20.9 | 20.9 | | |
| 9 | Trường mầm non 3-2: Cơ sở 2 Địa chỉ: Tô dân phố 13 Thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 685 | 349.8 | 985.8 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 3 tầng | | 318 | 954 | | |
| | Sân khấu | | 31.8 | 31.8 | | |
| 10 | Trường mầm non Trân Châu: Cơ sở 1 Địa chỉ: Thôn Bến, xã Trân Châu, huyện Cát Hải | 1543 | 823.9 | 1581.8 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 2 tầng | | 757.9 | 1515.8 | | |
| | Nhà bảo vệ 1 tầng | | 8 | 8 | | |
| | Sân khấu | | 58 | 58 | | |
| 11 | Trường mầm non Trân Châu: Cơ sở 2 Địa chỉ: Thôn Hải Sơn, xã Trân Châu, huyện Cát Hải | 1443 | 425.8 | 851.6 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 2 tầng, 10 phòng | | 425.8 | 851.6 | | |
| 12 | Trường mầm non Phù Long Địa chỉ: Thôn Ngoài, xã Phù Long, huyện Cát Hải | 2856.5 | 846.2 | 1538.9 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 2 tầng, 6 phòng | | 435.6 | 871.2 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 8 phòng | | 257.1 | 514.2 | | |
| | Sân khấu | | 87.6 | 87.6 | | |
| | Nhà để xe | | 43.8 | 43.8 | | |

| STT | Đơn vị/ Địa chỉ: Địa chỉ nhà đất | Diện tích (m ²) | | | Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê | Hiện trạng |
|-----|--|-----------------------------|------------------|---------------------------|--|---------------------|
| | | Đất | Nhà | | | |
| | | | Diện tích XD nhà | Diện tích sàn sử dụng nhà | | |
| | Nhà kho 1 tầng | | 8.4 | 8.4 | | |
| | Nhà bảo vệ 1 tầng | | 13.7 | 13.7 | | |
| 13 | Trường mầm non Hoàng Châu Địa chỉ: Thôn Đình, xã Hoàng Châu, huyện Cát Hải | 986 | 544.6 | 544.6 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 1 tầng, 4 phòng | | 292.2 | 292.2 | | |
| | Tòa nhà 1 tầng, 3 phòng | | 90.4 | 90.4 | | |
| | Nhà bếp 1 tầng | | 70 | 70 | | |
| | Nhà vệ sinh 1 tầng | | 24 | 24 | | |
| | Sân khấu | | 68 | 68 | | |
| 14 | Trường tiểu học Chu Văn An Địa chỉ: Tổ dân phố 18, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 2000 | 1522 | 3027 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà liền khối 2 tầng, 27 phòng | | 1149 | 2298 | | |
| | Tòa nhà 3 tầng, 7 phòng | | 178 | 534 | | |
| | Nhà để xe | | 45 | 45 | | |
| | Khu nhà đa năng | | 150 | 150 | | |
| 15 | Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 6154 | 2111.14 | 3667.66 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà A 2 tầng, 9 phòng | | 265.32 | 530.64 | | |
| | Tòa nhà B 2 tầng, 9 phòng | | 479 | 958 | | |
| | Tòa nhà C 2 tầng, 12 phòng | | 428.2 | 856.4 | | |

| STT | Đơn vị/ Địa chỉ: Địa chỉ nhà đất | Diện tích (m ²) | | Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê | Hiện trạng | |
|-----|--|-----------------------------|------------------|--|----------------------------------|---------------------------|
| | | Đất | Nhà | | | |
| | | | Diện tích XD nhà | | | Diện tích sàn sử dụng nhà |
| | Tòa nhà D 2 tầng, 10 phòng | | 384 | 768 | | |
| | Bể bơi học sinh | | 187.5 | 187.5 | | |
| | Nhà tắm trắng 1 tầng, 3 phòng | | 59.4 | 59.4 | | |
| | Nhà bảo vệ 1 tầng | | 7.5 | 7.5 | | |
| | Nhà để xe | | 20 | 20 | | |
| | Nhà vệ sinh HS, GV (4 nhà) | | 147.72 | 147.72 | | |
| | Khu chế biến thức ăn | | 25 | 25 | | |
| | Sân khấu | | 107.5 | 107.5 | | |
| 16 | Trường tiểu học Việt Hải Địa chỉ: Thôn 1, xã Việt Hải, huyện Cát Hải | 3700 | 870 | 1128 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà liền khối 2 tầng, 9 phòng | | 258 | 516 | | |
| | Dãy nhà 1 tầng, 5 phòng | | 415 | 415 | | |
| | Nhà kho 1 tầng | | 76 | 76 | | |
| | Dãy nhà 1 tầng 3 phòng | | 73 | 73 | | |
| | Nhà bếp, vệ sinh công vụ 1 tầng | | 24 | 24 | | |
| | Nhà vệ sinh học sinh | | 24 | 24 | | |
| 17 | Trường TH&THCS Hà Sen: Cơ sở 1 Địa chỉ: Thôn Bến, xã Trân Châu, huyện Cát Hải | 3385 | 720.63 | 1625.21 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 3 tầng, 16 phòng | | 272.47 | 817.41 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 10 phòng | | 359.64 | 719.28 | | |
| | Nhà để xe | | 47.73 | 47.73 | | |

| STT | Đơn vị/ Địa chỉ: Địa chỉ nhà đất | Diện tích (m ²) | | | Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê | Hiện trạng |
|-----|---|-----------------------------|------------------|---------------------------|--|---------------------|
| | | Đất | Nhà | | | |
| | | | Diện tích XD nhà | Diện tích sàn sử dụng nhà | | |
| | Bể bơi | | 34.83 | 34.83 | | |
| | Nhà bảo vệ 1 tầng | | 5.96 | 5.96 | | |
| 18 | Trường TH&THCS Hà Sen: Cơ sở 2 Địa chỉ: Thôn Hải Sơn, xã Trân Châu, huyện Cát Hải | 4187 | 691 | 1216 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 2 tầng, 10 phòng | | 200 | 400 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 4 phòng | | 125 | 250 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 9 phòng | | 200 | 400 | | |
| | Tòa nhà 1 tầng, 6 phòng | | 150 | 150 | | |
| | Nhà bảo vệ 1 tầng | | 6 | 6 | | |
| | Nhà để xe | | 10 | 10 | | |
| 19 | Trường TH&THCS Hiền Hào: Khu TH&THCS Địa chỉ: Thôn 2, xã Hiền Hào, huyện Cát Hải | 1768 | 531 | 1191 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 3 tầng, 17 phòng | | 180 | 540 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 8 phòng | | 300 | 600 | | |
| | Nhà bảo vệ 1 tầng | | 11 | 11 | | |
| | Nhà để xe | | 40 | 40 | | |
| 20 | Trường TH&THCS Hiền Hào: Khu Mầm non Địa chỉ: Thôn 2, xã Hiền Hào, huyện Cát Hải | 846 | 250 | 420 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 2 tầng, 10 phòng | | 170 | 340 | | |
| | Nhà bếp 1 tầng | | 80 | 80 | | |
| 21 | Trường TH&THCS Xuân Đám Địa chỉ: Thôn 3, xã Xuân Đám, huyện Cát Hải | 3130.7 | 854.8 | 1505.9 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |

| STT | Đơn vị/ Địa chỉ: Địa chỉ nhà đất | Diện tích (m ²) | | Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê | Hiện trạng | |
|-----|---|-----------------------------|------------------|--|----------------------------------|---------------------------|
| | | Đất | Nhà | | | |
| | | | Diện tích XD nhà | | | Diện tích sàn sử dụng nhà |
| | Tòa nhà 2 tầng, 8 phòng | | 204.2 | 408.4 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 17 phòng | | 382.6 | 765.2 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 4 phòng | | 64.3 | 128.6 | | |
| | Nhà vệ sinh 1 tầng | | 33.6 | 33.6 | | |
| | Nhà vệ sinh 1 tầng | | 76.4 | 76.4 | | |
| | Nhà vệ sinh 1 tầng | | 47.5 | 47.5 | | |
| | Sân khấu | | 46.2 | 46.2 | | |
| 22 | Trường TH&THCS Gia Luận: Cơ sở chính Địa chỉ: Thôn 1, xã Gia Luận, huyện Cát Hải | 2172 | 649.38 | 1133.98 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 2 tầng, 10 phòng | | 237.6 | 475.2 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 9 phòng | | 247 | 494 | | |
| | Tòa nhà 1 tầng | | 97.4 | 97.4 | | |
| | Nhà bếp giáo viên 1 tầng | | 9 | 9 | | |
| | Nhà vệ sinh 1 tầng | | 30 | 30 | | |
| | Nhà để xe | | 20.88 | 20.88 | | |
| | Nhà bảo vệ 1 tầng | | 7.5 | 7.5 | | |
| 23 | Trường TH&THCS Gia Luận: Cơ sở mầm non Địa chỉ: Thôn 2, xã Gia Luận, huyện Cát Hải | 800 | 415 | 565 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 1 tầng, 4 phòng | | 250 | 250 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 4 phòng | | 150 | 300 | | |

| STT | Đơn vị/ Địa chỉ: Địa chỉ nhà đất | Diện tích (m ²) | | | Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê | Hiện trạng |
|-----|---|-----------------------------|------------------|---------------------------|--|---------------------|
| | | Đất | Nhà | | | |
| | | | Diện tích XD nhà | Diện tích sàn sử dụng nhà | | |
| | Nhà để xe | | 15 | 15 | | |
| 24 | Trường TH&THCS Phù Long Địa chỉ: Thôn Ngoài, xã Phù Long, huyện Cát Hải | 5323 | 1293 | 2341 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 2 tầng, 10 phòng | | 280 | 560 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 12 phòng | | 540 | 1080 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 9 phòng | | 228 | 456 | | |
| | Nhà để xe | | 200 | 200 | | |
| | Sân khấu | | 45 | 45 | | |
| 25 | Trường TH&THCS Hoàng Châu Địa chỉ: Thôn Đình, xã Hoàng Châu, huyện Cát Hải | 2382.4 | 948.02 | 1871.34 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 2 tầng, 16 phòng | | 600.1 | 1309.2 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 12 phòng | | 191.78 | 406 | | |
| | Nhà kho 1 tầng | | 26 | 26 | | |
| | Nhà vệ sinh | | 60.2 | 60.2 | | |
| | Nhà xe | | 59.04 | 59.04 | | |
| | Nhà bảo vệ | | 10.9 | 10.9 | | |
| 26 | Trường THCS Thị trấn Cát Bà Địa chỉ: Số 101 Hà Sen, tổ dân phố 3, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 9000 | 1734 | 3581 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 3 tầng, 18 phòng | | 504 | 1512 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 10 phòng | | 256 | 512 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 6 phòng | | 256 | 512 | | |
| | Khu đa năng 2 tầng, 3 phòng | | 327 | 654 | | |
| | Nhà bảo vệ | | 14 | 14 | | |
| | Nhà vệ sinh | | 52 | 52 | | |

| STT | Đơn vị/ Địa chỉ: Địa chỉ nhà đất | Diện tích (m ²) | | | Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê | Hiện trạng |
|-----|--|-----------------------------|------------------|---------------------------|--|---------------------|
| | | Đất | Nhà | | | |
| | | | Diện tích XD nhà | Diện tích sàn sử dụng nhà | | |
| | Nhà để xe | | 215 | 215 | | |
| | Sân khấu | | 110 | 110 | | |
| 27 | Trường mầm non Xuân Đám Địa chỉ: Thôn 1, xã Xuân Đám, huyện Cát Hải | 1297.8 | 477.72 | 847.12 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 2 tầng 11 phòng | | 369.4 | 738.8 | | |
| | Sân khấu | | 40.48 | 40.48 | | |
| | Lán để xe | | 32 | 32 | | |
| | Nhà bảo vệ | | 35.84 | 35.84 | | |
| 28 | Trung tâm GDNN-GDTX: Cơ sở 1 Địa chỉ: Số 4 ngõ 2 đường Hà Sen, Thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 975 | 724 | 1366 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 2 tầng, 10 phòng | | 267 | 534 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 6 phòng | | 215 | 430 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 5 phòng | | 160 | 320 | | |
| | Nhà bảo vệ 1 tầng | | 12 | 12 | | |
| | Lán để xe | | 70 | 70 | | |
| 29 | Trung tâm Chính trị Địa chỉ: Tô dân phố 6, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 2375 | 1024.4 | 1358.4 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Hội trường 1 tầng | | 410.4 | 410.4 | | |
| | Nhà bảo vệ 1 tầng | | 40.8 | 40.8 | | |
| | Nhà vệ sinh, nhà uống nước học viên | | 79.3 | 79.3 | | |
| | Nhà kho | | 36 | 36 | | |
| | Lán để xe | | 123.9 | 123.9 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 16 phòng | | 334 | 668 | | |

| STT | Đơn vị/ Địa chỉ: Địa chỉ nhà đất | Diện tích (m ²) | | | Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê | Hiện trạng |
|-----|---|-----------------------------|------------------|---------------------------|--|--------------|
| | | Đất | Nhà | | | |
| | | | Diện tích XD nhà | Diện tích sàn sử dụng nhà | | |
| 30 | Trung tâm Văn hóa TT-TT: Trụ sở Đài Phát thanh (cũ) Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 237 | 136.50 | 251.00 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Nhà làm việc 2 tầng | | 114 | 228 | | |
| | Nhà kho - 1 tầng | | 23 | 23 | | |
| 31 | Trung tâm Văn hóa TT-TT: Trụ sở trung tâm du lịch cũ 8 tầng Địa chỉ: Số 228 phố Cát Bà, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 166.0 | 166.0 | 1.328.0 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| 32 | Ban Quản lý các Vịnh Cát Bà: Nhà chờ nhà vệ sinh bến tàu khách du lịch Cái Bèo 1 tầng Địa chỉ: Tổ dân phố 11, Thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 423 | 423 | 423 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| 33 | Ban Quản lý các Vịnh Cát Bà: Nhà làm việc 5 tầng Địa chỉ: số 17 đường Cái Bèo, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 207 | 123.5 | 618 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| 34 | Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Địa chỉ: Số 410 đường Hà Sen, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 326.0 | 222.20 | 387.20 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Nhà làm việc 2 tầng | | 165 | 330 | | |
| | Lán để xe | | 57.2 | 57.2 | | |
| 35 | UBND Thị trấn Cát Bà Địa chỉ: Số 71 đường Hà Sen, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 930 | 650 | 1293 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng | | 350 | 700 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng | | 91 | 182 | | |

| STT | Đơn vị/ Địa chỉ: Địa chỉ nhà đất | Diện tích (m ²) | | | Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê | Hiện trạng |
|-----------|---|-----------------------------|------------------|---------------------------|--|---------------------|
| | | Đất | Nhà | | | |
| | | | Diện tích XD nhà | Diện tích sàn sử dụng nhà | | |
| | Tòa nhà 3 tầng | | 101 | 303 | | |
| | Nhà kho 1 tầng | | 18 | 18 | | |
| | Nhà để xe 1 tầng | | 65 | 65 | | |
| | Nhà bảo vệ 1 tầng | | 13 | 13 | | |
| | Nhà vệ sinh 1 tầng | | 12 | 12 | | |
| 36 | UBND xã Trân Châu Địa chỉ: Thôn Bền, xã Trân Châu, huyện Cát Hải | 1,851.00 | 937.25 | 1,816.13 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng | | 184.08 | 368.16 | | |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng | | 358.80 | 717.6 | | |
| | Nhà bảo vệ | | 9.00 | 9.00 | | |
| | Khu nhà vệ sinh | | 49.368 | 49.368 | | |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng | | 336 | 672 | | |
| 37 | UBND xã Xuân Đám Địa chỉ: Thôn 3, xã Xuân Đám, huyện Cát Hải | 2,042.40 | 656.30 | 1,149.00 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng | | 207.7 | 415.4 | | |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng | | 285 | 570 | | |
| | Nhà kho 1 tầng | | 19.8 | 19.8 | | |
| | Nhà để xe | | 129.4 | 129.4 | | |
| | Nhà bảo vệ | | 14.4 | 14.4 | | |
| 38 | UBND xã Hiền Hào Địa chỉ: Thôn 1, xã Hiền Hào, huyện Cát Hải | 2,697 | 454 | 849 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng | | 192 | 384 | | |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng | | 203 | 406 | | |
| | Nhà bảo vệ 1 tầng | | 20 | 20 | | |
| | Nhà kho 1 tầng | | 39 | 39 | | |

| STT | Đơn vị/ Địa chỉ: Địa chỉ nhà đất | Diện tích (m ²) | | | Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê | Hiện trạng | | |
|-----|--|-----------------------------|------------------|---------------------------|--|--------------|-------|-------|
| | | Đất | Nhà | | | | | |
| | | | Diện tích XD nhà | Diện tích sàn sử dụng nhà | | | | |
| 39 | UBND xã Gia Luận Địa chỉ: Thôn 2, xã Gia Luận, huyện Cát Hải | 907.20 | 278.20 | 644.20 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng | | |
| | Tòa nhà làm việc 3 tầng | | | | | | 183 | 549 |
| | Nhà để máy 1 tầng | | | | | | 33 | 33 |
| | Nhà vệ sinh 1 tầng | | | | | | 31.3 | 31.3 |
| | Nhà để xe | | | | | | 30.9 | 30.9 |
| 40 | UBND xã Việt Hải Địa chỉ: Thôn 2, xã Việt Hải, huyện Cát Hải | 751.00 | 800.00 | 800.00 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng | | |
| | Tòa nhà làm việc 1 tầng | | | | | | 520 | 520 |
| | Tòa nhà làm việc 1 tầng | | | | | | 230 | 230 |
| | Nhà vệ sinh 1 tầng | | | | | | 25 | 25 |
| | Nhà để xe | | | | | | 25 | 25 |
| | Lán để xe | | | | | | 20 | 20 |
| 41 | UBND xã Phù Long Địa chỉ: Thôn Ngoài, xã Phù Long, huyện Cát Hải | 1,680 | 892 | 1,742 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng | | |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng | | | | | | 450 | 900 |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng | | | | | | 200 | 400 |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng | | | | | | 200 | 400 |
| | Nhà kho 1 tầng | | | | | | 12 | 12 |
| | Lán để xe | | | | | | 30 | 30 |
| 42 | UBND xã Hoàng Châu Địa chỉ: Thôn Trên, xã Hoàng Châu, huyện Cát Hải | 717.0 | 157.9 | 303.7 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng | | |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng | | | | | | 145.9 | 291.7 |
| | Lán để xe | | | | | | 12.0 | 12.0 |

PHỤ LỤC 02:
CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT GIỮ TẠM LẠI TIẾP TỤC SỬ DỤNG CỦA HUYỆN CÁT HẢI

(Kèm theo Quyết định số 961 /QĐ-UBND ngày 19 /3 /2025 của UBND thành phố)

| STT | Đơn vị/ Địa chỉ: Địa chỉ nhà đất | Diện tích (m ²) | | | Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê | Hiện trạng |
|-----|--|-----------------------------|------------------|---------------------------|--|--------------|
| | | Đất | Nhà | | | |
| | | | Diện tích XD nhà | Diện tích sàn sử dụng nhà | | |
| 1 | VP HĐND và UBND huyện: Văn phòng II (A) 1 tầng Địa chỉ: Tổ dân phố Đôn Lương - Thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải | 404.0 | 236.6 | 236.6 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng |
| 2 | VP HĐND và UBND huyện: Văn phòng II (B) 1 tầng. Địa chỉ: Tổ dân phố Đôn Lương - Thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải | 414.0 | 289.9 | 289.9 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng |
| 3 | VP HĐND và UBND huyện: Văn phòng II C 2 tầng Địa chỉ: Tổ dân phố Đôn Lương - Thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải | 175.5 | 108.0 | 220.0 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng |
| 4 | Trường mầm non thị trấn Cát Hải Địa chỉ: Tổ dân phố Đôn Lương, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải | 2131.8 | 896.5 | 1850 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà liên khối 3 tầng, 12 phòng | | 353.5 | 1060.5 | | |
| | Tòa nhà liên khối 2 tầng, 7 phòng | | 246.5 | 493 | | |
| | Sân khấu | | 217.5 | 217.5 | | |

| | | | | | | |
|----------|---|---------------|--------------|---------------|----------------------------------|---------------------|
| | Nhà để xe | | 57 | 57 | | |
| | Nhà bảo vệ | | 22 | 22 | | |
| 5 | Trường mầm non Văn Phong Địa chỉ: Thôn Phong Niên, xã Văn Phong, huyện Cát Hải | 3695.9 | 472.5 | 1030.5 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà liền khối 2 tầng, 11 phòng | | 430 | 988 | | |
| | Phòng bảo vệ 1 tầng | | 13.5 | 13.5 | | |
| | Nhà để xe | | 29 | 29 | | |
| 6 | Trường mầm non Sao Mai Địa chỉ: Thôn Minh Hồng, xã Nghĩa Lộ, huyện Cát Hải | 1833.9 | 707 | 1348 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà liền khối 2 tầng 14 phòng | | 641 | 1282 | | |
| | Sân khấu | | 50 | 50 | | |
| | Nhà bảo vệ 1 tầng | | 16 | 16 | | |
| 7 | Trường TH Đoàn Đức Thái: Cơ sở 1 Địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Hy, Thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải | 2821 | 854.1 | 1309.3 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 2 tầng 13 phòng | | 455.2 | 910.4 | | |
| | Tòa nhà 1 tầng, 9 phòng | | 203.4 | 203.4 | | |
| | Nhà xe | | 45.2 | 45.2 | | |
| | Nhà xe | | 68.4 | 68.4 | | |
| | Nhà vệ sinh | | 22 | 22 | | |

| | | | | | | |
|---|---|--------|--------|--------|----------------------------------|---------------------|
| | Nhà vệ sinh | | 49 | 49 | | |
| | Phòng bảo vệ 1 tầng | | 10.9 | 10.9 | | |
| 8 | Trường TH Đoàn Đức Thái: Cơ sở 2 Địa chỉ: Tổ dân phố Tiến Lộc, Thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải | 2093.4 | 338.7 | 590.3 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 2 tầng 10 phòng | | 251.6 | 503.2 | | |
| | Nhà xe | | 27.2 | 27.2 | | |
| | Nhà vệ sinh | | 19.7 | 19.7 | | |
| | Nhà vệ sinh | | 30.7 | 30.7 | | |
| | Phòng bảo vệ 1 tầng | | 9.5 | 9.5 | | |
| 9 | Trường TH&THCS Văn Phong Địa chỉ: Thôn Phong Niên, xã Văn Phong, huyện Cát Hải | 6986 | 1274.5 | 2264.5 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 2 tầng, 12 phòng | | 606 | 1212 | | |
| | Tòa nhà 2 tầng, 12 phòng | | 384 | 768 | | |
| | Nhà bảo vệ 1 tầng | | 16 | 16 | | |
| | Nhà vệ sinh 1 tầng | | 70 | 70 | | |
| | Nhà mái che để xe | | 134 | 134 | | |
| | Nhà tắm 1 tầng | | 12.5 | 12.5 | | |
| | Nhà mái che bể bơi | | 32 | 32 | | |
| | Nhà kho | | 20 | 20 | | |

| | | | | | | |
|----|---|---------------|---------------|----------------|----------------------------------|---------------------|
| 10 | Trường TH&THCS Nghĩa Lộ: Cơ sở 1 Địa chỉ: Thôn Minh Hồng, Xã Nghĩa Lộ, huyện Cát Hải | 3612.5 | 2760.5 | 5108.5 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Dãy nhà 2 tầng khu A | | 610 | 1220 | | |
| | Dãy nhà 2 tầng | | 560 | 1120 | | |
| | Dãy nhà 2 tầng khu C | | 690 | 1380 | | |
| | Dãy nhà 2 tầng khu D | | 488 | 976 | | |
| | Khu vệ sinh khu C | | 80 | 80 | | |
| | Khu vệ sinh khu D | | 67 | 67 | | |
| | Nhà bảo vệ 1 tầng | | 9.6 | 9.6 | | |
| | Sân khâu | | 73.5 | 73.5 | | |
| | Nhà để xe | | 182.4 | 182.4 | | |
| 11 | Trường TH&THCS Nghĩa Lộ: Cơ sở 2 Địa chỉ: Thôn Trung, xã Đồng Bài, huyện Cát Hải | 4190.4 | 1104.7 | 1989.66 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Khu hiệu bộ | | 175.2 | 175.2 | | |
| | Khu phòng học 2 tầng | | 507.0 | 1,014.0 | | |
| | Khu nhà chức năng 2 tầng | | 378.0 | 756.0 | | |
| | Khu nhà để xe | | 35.1 | 35.1 | | |
| | Khu nhà vệ sinh | | 6.0 | 6.0 | | |
| | Khu nhà bảo vệ | | 3.36 | 3.36 | | |

| | | | | | | |
|----|---|--------|-------|--------|----------------------------------|---------------------|
| 12 | Trường THCS Thị trấn Cát Hải Địa chỉ: Tổ dân phố Tiến Lộc, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải | 2830.0 | 1164 | 1968.5 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Dãy nhà 3 tầng, 9 phòng | | 307 | 921 | | |
| | Dãy nhà 2 tầng, 9 phòng | | 190.5 | 381 | | |
| | Dãy nhà 1 tầng, 4 phòng | | 320 | 320 | | |
| | Dãy nhà 1 tầng, 2 phòng | | 264 | 264 | | |
| | Nhà vệ sinh 1 tầng | | 50 | 50 | | |
| | Nhà kho 1 tầng | | 25 | 25 | | |
| | Nhà bảo vệ 1 tầng | | 7.5 | 7.5 | | |
| 13 | Trường mầm non Đồng Bài Địa chỉ: Thôn Trung, xã Đồng Bài, huyện Cát Hải | 1264 | 560 | 830 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Nhà lớp học 2 tầng, 4 phòng | | 270 | 540 | | |
| | Nhà làm việc 1 tầng, 3 phòng | | 116 | 116 | | |
| | Nhà bếp | | 122 | 122 | | |
| | Nhà vệ sinh | | 12 | 12 | | |
| | Sân khấu | | 40 | 40 | | |
| 14 | Trung tâm GDNN-GDTX: Cơ sở 2 Địa chỉ: Tổ dân phố Lục Độ, Thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải | 618 | 283.4 | 546.8 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà 2 tầng, 6 phòng | | 195 | 390 | | |

| | | | | | | |
|----|---|--------|--------|--------|----------------------------------|---------------------------|
| | Tòa nhà 2 tầng, 6 phòng | | 68.4 | 136.8 | | |
| | Lán để xe | | 20 | 20 | | |
| 15 | Trung tâm Văn hóa TT-TT: Trung tâm Văn hóa (nhà thi đấu đa năng) Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 7442 | 2373.0 | 4660.0 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Nhà thi đấu đa năng 2 tầng | | 2,287 | 4,574 | | |
| | Nhà vệ sinh | | 86 | 86 | | |
| 16 | Trung tâm Văn hóa TT-TT: Trụ sở nhà thiếu nhi cũ Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 2132 | 919.0 | 1301.4 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang không sử dụng |
| | Nhà chức năng 2 tầng | | 233.5 | 467.0 | | |
| | Nhà chức năng 2 tầng | | 595.5 | 744.4 | | |
| | Nhà bảo vệ | | 10.0 | 10.0 | | |
| | Nhà để xe, kho | | 80.0 | 80.0 | | |
| 17 | Trung tâm Văn hóa TT-TT: Nhà chờ bến tàu trung tâm du lịch Địa chỉ: Tổ dân phố 18, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 595.60 | 150.0 | 150.0 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Nhà chờ bến tàu du lịch - 1 tầng | | 110.0 | 110.0 | | |
| | Nhà chòi số 1 | | 20.0 | 20.0 | | |
| | Nhà chòi số 2 | | 20.0 | 20.0 | | |

| | | | | | | |
|----|---|--------|--------|--------|----------------------------------|---------------------------|
| 18 | Trung tâm Văn hóa TT-TT: Trạm phát sóng Cát Bà - Đồi 45 Địa chỉ: Đồi 45, tổ dân phố 8, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 1562 | 182 | 182 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Nhà để máy phát sóng - 1 tầng | | 140 | 140 | | |
| | Nhà kho 1 | | 41 | 41 | | |
| 19 | Trung tâm Văn hóa TT-TT: Trạm phát sóng Hiền Hào - Đồi Nón Địa chỉ: Đồi Nón, xã Hiền Hào, huyện Cát Hải | 373.30 | 73.3 | 73.3 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| | Nhà để máy phát sóng 1 tầng | | 63.6 | 63.6 | | |
| | Nhà kho, nhà để máy nổ - 1 tầng | | 9.7 | 9.7 | | |
| 20 | Ban Quản lý các Vịnh Cát Bà: Trụ sở làm việc của Đội thị chính (cũ) Địa chỉ: số 104 Đường Núi Ngọc Thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải | 326 | 243.20 | 467.20 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang không sử dụng |
| | Nhà làm việc số 1, 2 tầng | | 155.7 | 311.4 | | |
| | Nhà làm việc số 2, 2 tầng | | 68.3 | 136.6 | | |
| | Nhà kho, bếp, 1 tầng | | 19.2 | 19.2 | | |
| 21 | Ban Quản lý các Vịnh Cát Bà: Nhà làm việc và khu vệ sinh ban quản lý bến Gia Luận 1 tầng Địa chỉ: Thôn 2, xã Gia Luận, huyện Cát Hải | 78.2 | 78.2 | 78.2 | Cơ sở hoạt động sự nghiệp | Đang sử dụng |
| 22 | UBND Thị trấn Cát Hải Địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Hy, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải | 768.7 | 416.6 | 748.9 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng | | 243.1 | 486.2 | | |

| | | | | | | |
|-----------|--|---------------|---------------|---------------|------------------------|---------------------|
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng | | 76.8 | 153.6 | | |
| | Nhà vệ sinh 2 tầng | | 12.4 | 24.8 | | |
| | Nhà kho 1 tầng | | 43.0 | 43.0 | | |
| | Lán để xe | | 41.3 | 41.3 | | |
| 23 | UBND xã Đồng Bài Địa chỉ: Thôn Trung, xã Đồng Bài, huyện Cát Hải | 3900.0 | 1075.1 | 1326.6 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng | | 251.5 | 503 | | |
| | Hội trường nhà văn hóa xã | | 250 | 250 | | |
| | Nhà bảo vệ | | 18.5 | 18.5 | | |
| | Nhà xe | | 54 | 54 | | |
| | Nhà kho phòng chống lụt bão | | 17.14 | 17.14 | | |
| | Nhà vệ sinh | | 63.5 | 63.5 | | |
| | Sân khấu ngoài trời | | 94.5 | 94.5 | | |
| | Nhà bưu điện xã 01 tầng | | 76 | 76 | | |
| | Nhà văn hóa thôn Trung 1 tầng | | 250 | 250 | | |
| 24 | UBND xã Văn Phong Địa chỉ: Thôn Phong Niên, xã Văn Phong, huyện Cát Hải | 2059 | 1065 | 2090 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng |
| | Tòa nhà làm việc 2 tầng | | 126 | 252 | | |
| | Tòa nhà làm việc 3 tầng | | 449.5 | 1348.5 | | |
| | Tòa nhà 1 tầng | | 71.3 | 71.3 | | |

| | | | | | | |
|----|---|-----|--------|--------|------------------------|---------------------|
| | Trạm y tế xã | | 418.5 | 418.5 | | |
| 25 | UBND xã Nghĩa Lộ Địa chỉ: Thôn Minh Hồng, xã Nghĩa Lộ, huyện Cát Hải | 788 | 309.84 | 569.84 | Trụ sở làm việc | Đang sử dụng |
| | Nhà làm việc 2 tầng | | 260 | 520 | | |
| | Nhà bảo vệ | | 10.24 | 10.24 | | |
| | Nhà để xe | | 19.2 | 19.2 | | |
| | Nhà kho 1 tầng | | 9.84 | 9.84 | | |
| | Nhà vệ sinh 01 tầng | | 10.56 | 10.56 | | |

